

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2018/HSST
Ngày 08 - 8 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà : Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân : Bà Lê Thị Lập

Ông Lê Đức Trí

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà :

Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở TAND huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn T sinh ngày 30 tháng 12 năm 1997 tại thôn M xã X, huyện T, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn M xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H (Đã chết); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Chưa có vợ, con.

Tiền án; Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 25/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trịnh Đình H - Trợ giúp viên pháp lý của chi nhánh số 6 Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

- *Người bị hại:* Cháu Nguyễn Mai C ; Sinh năm 2003. Vắng mặt

- *Người đại diện theo pháp luật của người bị hại:*

Chị Trịnh Thị T , sinh năm 1985. Vắng mặt

Đều trú tại: Khu 3 thị trấn L , huyện T , tỉnh T .

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lữ Trọng M ; Sinh năm 1973. Vắng mặt

Trú tại: Thôn L thị trấn L , huyện T , tỉnh T .

-*Người làm chứng:* Anh Đỗ Xuân N ; Sinh năm 1974. Vắng mặt

Trú tại: Khu 4 thị trấn L , huyện T , tỉnh T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11h ngày 16/6/2018 Lê Văn T đi bộ qua quán cơm của gia đình anh Trịnh Đức T ở khu 4 thị trấn Lam Sơn thì phát hiện chiếc xe máy điện hiệu Ngọc Hà H1S màu đỏ - đen, không có biển số của Nguyễn Mai C đang dựng trước cửa nhà anh T , chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa và không có người trông giữ nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp. T đi đến chỗ chiếc xe máy điện, bật khóa điện và điều khiển xe đi đến nhà anh Lữ Trọng M ở thôn L , thị trấn L cầm cổ xe được 1.550.000đ, số tiền trên T tiêu sài cá nhân.

Đến 21h 30 phút ngày 19/6/2018 T đã đến Đồn Công an M để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 20/6/2018 cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà anh Lữ Trọng M chiếc xe máy điện.

Tại biên bản định giá tài sản số 19/BB - HĐĐG ngày 21/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị của chiếc xe máy điện tại thời điểm trộm cắp là 8.750.000đ.

Vật chứng của vụ án là chiếc xe máy điện hiệu Ngọc Hà H1S màu đỏ - đen, không có biển số hiện đang quản lý theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 39/VKS-HS ngày 02/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 38; Điều 56 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt: Bị cáo Lê Văn T từ 12(Mười hai) tháng đến 15(Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt tù của bản án số 26/2018/HSST ngày 25/5/2018, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 2 bản án. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam; Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật; Trả lại chiếc xe máy điện cho người bị hại; Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật HS và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS truy thu số tiền 1.550.000đ đối với bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ mất sớm, bố đang chấp hành hình phạt tù, trình độ văn hóa thấp, gia đình thuộc hộ nghèo; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn và đã đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà bị cáo Lê Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại trong quá trình điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản thu giữ tang vật, lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào ngày 16/6/2018 bị cáo Lê Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Ngọc Hà H1S màu đỏ - đen, không có biển số của cháu Nguyễn Mai C trị giá 8.750.000đ. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê văn Tú phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Cáo trạng số 39/VKS-HS ngày 02/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật nhà nước bảo vệ. Hành vi

đó đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ nhưng lười lao động, không chịu khó làm ăn, tu dưỡng đạo đức, thích hưởng thụ tài sản trên công sức lao động của người khác. Bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Điều đó chứng tỏ rằng bị cáo rất coi thường pháp luật.

Khi xem xét về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì HĐXX thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu: Vào ngày 25/5/2018 bị cáo Tú bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” chưa chấp hành án. Đến ngày 16/6/2018 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Mặt khác bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bị nhiễm HIV. Vì vậy HĐXX bắt bị cáo cách ly xã hội 01 thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo đã đầu thú nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS năm 2015. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo T chưa chấp hành bản án số 26/2018/HSST ngày 25/5/2018 nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

Trong vụ án này anh Lữ Trọng M là người cho bị cáo T cầm cố chiếc xe máy điện với số tiền 1.550.000đ nhưng anh M không biết đây là tài sản trộm cắp nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chưa nhận lại tài sản nhưng không yêu cầu bồi thường gì; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lữ Trọng M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã cầm cố chiếc xe máy điện nên HĐXX không xem xét.

[3] Về xử lý vật chứng: Tài sản trộm cắp là chiếc xe máy điện hiệu Ngọc Hà H1S màu đỏ - đen, không có biển số thuộc quyền sở hữu của cháu Mai C nên căn cứ vào khoản 2 điều 47 BLHS và điểm b khoản 3 điều 106 Bộ luật TTHS trả lại cho chủ sở hữu. Đối với số tiền 1.550.000đ do bị cáo cầm cố chiếc xe máy điện và đã tiêu sài cá nhân nên căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật HS và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 38; Khoản 2 điều 56 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 15(Mười lăm)tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của bản án số 26/2018/HSST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân. Hình phạt chung của hai bản án là 27(Hai mươi bảy)tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/6/2018 được trừ thời gian đã bị tạm giữ của bản án trước(Từ ngày 15/01/2018 đến 18/01/2018).

- Xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 điều 47BLHS và điểm b khoản 3 điều 106 Bộ luật TTHS;

Trả lại chiếc xe máy điện hiệu Ngọc Hà H1S màu đỏ - đen, không có biển số cho cháu Nguyễn Mai C , sinh năm 2003; Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Mai C là chị Trịnh Thị T , sinh năm 1985, địa chỉ: Khu 3 thị trấn L, huyện T , tỉnh T Thẻ hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 38 và phiếu nhập kho số 38 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T .

Căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật HS và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS truy thu số tiền 1.550.000đ đối với bị cáo Lê Văn T nộp ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST sung quỹ nhà nước.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND;

- THA dân sự;

- THA hình sự Công an

huyện T

- Trại tạm giam Công an

tỉnh Thanh Hóa;

- Bị cáo;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng